

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1435/2022/KDTM-ST

Ngày: 28-4-2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Trâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Bà Phan Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2020/TLST-KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 960/2022/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 1813/2022/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: phường H, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông N

Đại diện theo ủy quyền: Bà O (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: đường C, Phường 4, Quận 3.

(Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2022)

Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại kỹ thuật G (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: đường N, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông N, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường C, xã N, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ tạm trú: đường 2, tổ 2, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Đ, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: đường C, xã N, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ tạm trú: đường N, tổ 2, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: tổ 2, thị trấn I, huyện ChuPăh, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ tạm trú: đường N, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng T có đại diện theo ủy quyền bà O trình bày:

Công ty TNHH sản xuất thương mại kỹ thuật G đã vay vốn tại Ngân hàng T chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho vay số SME/HCM/18/0065/HDTD ngày 30/5/2018, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 30/5/2018 và khế ước nhận nợ lần 01 ngày 01/6/2018, số tiền vay 519.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,8%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày giải ngân: 01/6/2018, ngày đến hạn: 01/6/2023, thời hạn trả nợ: bên vay trả nợ gốc và lãi theo định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên là vào ngày 20/6/2018; mục đích vay: thanh toán 01 phần tiền mua xe ô tô, nhãn hiệu Chevrolet Colorado 2,5 4x4, mới 100% theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 180 ngày 07/5/2018 giữa Công ty TNHH T và Công ty TNHH SX TM kỹ thuật G.

Để đảm bảo cho khoản vay Công ty G đã thế chấp cho Ngân hàng T xe ô tô, nhãn hiệu Chevrolet, số loại: Colorado, số khung MMM148FL0JH64845, số máy: HG6G180311054, biển số 51D-323.71 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/HCM/18/0065/HDTTC ngày 30/5/2018.

Đồng thời ông Đ, bà H còn ký kết với Ngân hàng T hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/18/0065/HDBL.01 ngày 30/5/2018 và hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/18/0065/HDBL.02 ngày 30/5/2018 theo đó ông Đ, bà H cam kết bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty G trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ tại Ngân hàng T phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/18/0065/HDTD ngày 30/5/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty G đã thanh toán được số tiền gốc là: 86.800.439 đồng, tiền lãi 19.923.684 đồng. Số tiền gốc còn lại và tiền lãi Công ty G không thanh toán tiếp. Do Công ty G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản nợ vay chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/11/2018. Vì vậy Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Công ty G trả ngay một lần cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 28/4/2022 gồm nợ gốc là 432.199.561 đồng, nợ lãi là 261.838.606 đồng, nợ lãi chậm trả là 45.602.049 đồng. Ngoài ra Công ty G vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng T. Trường hợp Công ty G không trả số tiền nợ vay và nợ lãi, Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet biển số 51D-323.71 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/HCM/18/0065/HDTTC ngày 30/5/2018 để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm mà vẫn không thu hồi dứt nợ, Ngân hàng T được quyền yêu cầu bà H, ông Đ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Bị đơn Công ty G và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, triệu tập lấy lời khai, thông báo phiên họp và hòa giải nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty G phải trả ngay một lần cho Ngân hàng T tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 28/4/2022 gồm: nợ gốc: 432.199.561 đồng, nợ lãi: 261.838.606 đồng, nợ lãi chậm trả: 45.602.049 đồng, tổng cộng: 739.640.215 đồng. Ngoài ra, Công ty

G vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 29/4/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng T.

Bị đơn Công ty G vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà H vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo quy định pháp luật. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử vi phạm về thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty G phải trả ngay một lần cho Ngân hàng T tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 28/4/2022 gồm: nợ gốc: 432.199.561 đồng, nợ lãi: 261.838.606 đồng, nợ lãi chậm trả: 45.602.049 đồng, tổng cộng: 739.640.215 đồng.

Ngoài ra, Công ty G vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 29/4/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp Công ty G không trả số tiền nợ vay và nợ lãi, Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet số khung MMM148FL0JH64845, số máy: HG6G180311054, biển số 51D-323.71 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/HCM/18/0065/HDTC ngày 30/5/2018 để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm mà vẫn không thu hồi dứt nợ, Ngân hàng T được quyền yêu cầu bà H, ông Đ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Buộc bị đơn Công ty G trả lại 5.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng T nộp đơn khởi kiện đối với Công ty G. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Theo công văn trả lời kết quả xác minh số 43/ĐKKD-THKT ngày 08/01/2021 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có trụ sở tại đường N, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện chưa đăng ký giải thể, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn Công ty G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà H đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100233583 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Hợp đồng cho vay, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ được giao kết giữa hai bên có hình thức và nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Xét yêu cầu của Ngân hàng T với Công ty G, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả nợ gốc:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định vào ngày 30/5/2018 Ngân hàng T và Công ty G ký kết hợp đồng cho vay số SME/HCM/18/0065/HDTD, theo nội dung hợp đồng Ngân hàng T cho Công ty G vay số tiền 519.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,8%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày giải ngân: 01/6/2018, ngày đến hạn: 01/6/2023, thời hạn trả nợ: bên vay trả nợ gốc và lãi theo định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên là vào ngày 20/6/2018; mục đích vay: thanh toán 01 phần tiền mua xe ô tô, nhãn hiệu Chevrolet Colorado 2,5 4x4 mới 100%. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng T đã giải ngân cho Công ty G vay số

tiền 519.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ lần 01 ngày 01/6/2018. Quá trình vay Công ty G trả nợ được số tiền gốc là 86.800.439 đồng. Số tiền gốc còn lại Công ty G không thanh toán tiếp.

Mặc dù thời hạn vay của hợp đồng số SME/HCM/18/0065/HDTD 30/5/2018 tính đến thời điểm khởi kiện (ngày 08/12/2020) là chưa kết thúc thời hạn vay nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, tại Điều 4 của hợp đồng quy định: *“các bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc và lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bên Ngân hàng có quyền thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của bên vay mà không cần chờ đến khi kết thúc thời hạn vay”*. Vì vậy Ngân hàng T khởi kiện khi chưa kết thúc thời hạn vay là phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt và không có tài liệu chứng cứ hay ý kiến gì gửi cho Tòa án về việc đã trả nợ cho nguyên đơn. Căn cứ Điều 4, Điều 7 hợp đồng tín dụng và căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc còn lại 432.199.561 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả tiền lãi:

Căn cứ hợp đồng cho vay số SME/HCM/18/0065/HDTD ngày 30/5/2018 và phụ lục hợp đồng số 01 SME/HCM/18/0065/HDTD 30/5/2018, khế ước nhận nợ lần 01 số SME/HCM/18/0065/HDTD 01/6/2018, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,8%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, bên vay trả nợ gốc và lãi theo định kỳ 01 tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên là vào ngày 20/6/2018. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay bị đơn đã thanh toán được tiền lãi trong hạn là 19.923.684 đồng. Sau đó bị đơn không thanh toán tiếp, căn cứ khoản 4 Điều 2 của Hợp đồng, ngày 20/11/2018 nguyên đơn chuyển toàn bộ nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn, tính từ ngày Ngân hàng T chuyển nợ quá hạn cho đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm xét xử là 11,30%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 16,95%/năm. Tại khoản 5 Điều 1 của khế ước nhận nợ quy định: *“Các bên thống nhất rằng đến kỳ điều chỉnh lãi suất, bên ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và không phải thông báo cho bên vay. Bên vay chấp nhận mức lãi suất mới kể từ thời điểm bên ngân hàng thực hiện điều chỉnh...”*. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 2 của Hợp đồng và phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín

dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn là 261.838.606 đồng.

[2.3] Về tiền lãi chậm trả: Do bị đơn không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015 và căn cứ điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10% trên số tiền lãi lũy kế bị đơn chưa thanh toán tính trên thời gian quá hạn, số tiền 45.602.049 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ:

Căn cứ hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/HCM/18/0065/HDTC 30/5/2018 bảo đảm cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số SME/HCM/18/0065/HDTD ngày 30/5/2018; Việc bị đơn dùng tài sản thuộc sở hữu của bị đơn thế chấp cho nguyên đơn để đảm bảo khoản vay nêu trên. Xét thấy việc hai bên ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản TP. Hồ Chí Minh. Vì vậy đủ căn cứ xác định hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị đảm bảo cho việc thanh toán. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp Công ty G không thanh toán đúng và đầy đủ nợ gốc và lãi nêu trên, Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng T là phù hợp với quy định tại Điều 299; khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bên bảo lãnh là ông Đ, bà H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên trong trường hợp Công ty G không có khả năng thanh toán. Xét yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng bảo lãnh số: SME/HCM/18/0065/HDBL 30/5/2018 và phù hợp với Điều 336, Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Xét yêu cầu của Ngân hàng T về việc yêu cầu Công ty G phải chịu 5.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nhận thấy, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 155, Điều 156, Điều 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Công ty G phải chịu 5.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và phải hoàn trả lại cho Ngân

hàng T số tiền 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng T đã nộp theo Thông báo số 204/TB-TA ngày 24/02/2021.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty G phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 20.000.000 đồng + (4% x 339.640.215 đồng) = 33.585.609 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng T số tiền 14.149.137 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0047216 ngày 07/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức).

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 299, 323, 336, 342, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 4; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại Kỹ thuật G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 432.199.561 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2022 là: 261.838.606 đồng, nợ lãi chậm trả: 45.602.049 đồng, tổng cộng: 739.640.215 đồng (bảy trăm ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ngàn hai trăm mười lăm đồng) theo hợp đồng cho vay số SME/HCM/18/0065/HDTD ngày 30/5/2018, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 30/5/2018 và khế ước nhận nợ lần 01 số SME/HCM/18/0065/HDTD ngày 01/6/2018. Trả làm một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/4/2022 cho đến khi trả hết nợ thì Công ty TNHH sản xuất thương mại Kỹ thuật G còn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng T.

Ngay khi Công ty TNHH sản xuất thương mại Kỹ thuật G thanh toán xong nợ gốc và lãi cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T phải trả lại cho Công ty TNHH sản xuất thương mại Kỹ thuật G bản chính giấy tờ đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số xe ô tô số SME/HCM/18/0065/HDTC ngày 30/5/2018.

Trường hợp Công ty TNHH sản xuất thương mại Kỹ thuật G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp là xe ô tô, nhãn hiệu Chevrolet, số loại: Colorado, số khung MMM148FL0JH64845, số máy: HG6G180311054, biển số 51D-323.71 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 371449 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/5/2018 để thu hồi nợ.

Trường hợp xử lý tài sản nêu trên không đủ để thanh toán cho Ngân hàng T thì ông Đ, bà H sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/HCM/18/0065/HDBL-01 và Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/18/0065/HDBL-02 ngày 30/5/2018.

2. Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại Kỹ thuật G phải trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng T.

3. Về án phí: Công ty TNHH sản xuất thương mại Kỹ thuật G phải nộp số tiền 33.585.609 đồng (Ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn sáu trăm lẻ chín đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi án có hiệu lực pháp luật.

Trả lại cho Ngân hàng T số tiền 14.149.137 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0047216 ngày 07/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức) khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mai Trâm